TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**
Số: 337/2018/QĐST- HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 21 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 118/2018/TLST- HNGĐ ngày 16/03/2018 giữa:

-**Nguyên đơn**: Chị Thạch Thị Th, sinh năm 1970; trú tại: Tổ 6, Khu vực 2, phường Trường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-**Bị đơn**: Anh Nguyễn Công B, sinh năm 1975; trú tại: Tổ 6, Khu vực 2, phường Trường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/06/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/06/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Thạch Thị Th và anh Nguyễn Công B.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a/ Về hôn nhân: Anh Bì, chị Th chung sống vợ chồng không còn hạnh phúc nguyên nhân do anh chị không hợp nhau, anh B thường uống bia rượu, đánh đập chị Th. Từ năm 2017 đến nay anh, chị không sống chung và không còn yêu thương nhau. Vì vậy, anh B, chị Th cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

b/ Về nuôi con chung: Anh B, chị Th cùng xác nhận vợ chồng chung sống có 02 con chung là Nguyễn Công H, sinh ngày 07/01/2001 và Nguyễn Thạch Bích H, sinh ngày 03/8/2003. Nguyện vọng của cháu H và cháu H xin ở với chị Th nên anh B, chị Th thỏa thuận giao 02 cháu Nguyễn Công H và Nguyễn Thạch Bích H cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh B tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu H và cháu Huyền mỗi cháu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) /tháng kể từ tháng 06/2018 trở đi cho đến khi cháu H và H thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

c/ Về tài sản chung: Anh Nguyễn Công B, chị Thạch Thị Th tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

d/ Về nợ chung: Anh Nguyễn Công B, chị Thạch Thị Th cùng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

đ/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Anh Nguyễn Công B và chị Thạch Thị Th mỗi người phải chịu án phí ly hôn 75.000 đồng. Chị Th tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn của cả hai người là 150.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Nguyễn Công B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, nhưng chị Thạch Thị Th tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con thay cho anh B.

Tổng cộng hai khoản án phí chị Thạch Thị Th phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị Thạch Thị Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/004666 ngày 16/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Nếu quá thời hạn thỏa thuận thanh toán, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sư, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDTP Huế;
- UBNDP Phường Đ, Huế;
  (ĐKKH ngày 26/12/1999)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh